

Số: 339/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 07 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp ngày 25 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 118/TTr-STNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp, địa chỉ tại lô A3-1, Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A3-1, Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng, xã Vĩnh Hưng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801399883 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/6/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/9/2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 2783503211 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 07/11/2023.

1.4. Mã số thuế: 0801399883.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- Sản xuất các sản phẩm từ vải không dệt dạng khô và dạng ướt: Khăn ướt các loại, khăn khô đa năng, bông tẩy trang.

- Sản xuất mỹ phẩm dạng lỏng, kem và gel: Mỹ phẩm làm sạch (nước tẩy trang, bọt tắm gội, dầu tắm gội, sữa tắm gội, sữa rửa mặt, gel rửa mặt, nước rửa tay, bọt rửa tay, dung dịch vệ sinh phụ nữ); mỹ phẩm dưỡng da (kem dưỡng da mặt, kem dưỡng thể); mỹ phẩm dạng mặt nạ (mặt nạ dưỡng da).

- Sản xuất chế phẩm vệ sinh dạng lỏng và gel: Nước rửa bình sữa và rau quả, nước giặt xả, nước rửa bát, nước lau sàn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 25.000 m².

- Công suất:

+ Sản xuất các sản phẩm từ vải không dệt dạng khô và dạng ướt: Khăn ướt các loại: 47.476.800 gói/năm; khăn khô đa năng: 26.006.400 túi/năm; bông tẩy trang: 5.670.000 gói/năm.

+ Sản phẩm mỹ phẩm dạng lỏng, kem và gel:

++ Mỹ phẩm làm sạch: Nước tẩy trang: 300.000 chai/năm; bọt tắm gội: 600.000 chai/năm; dầu tắm gội: 600.000 chai/năm; sữa tắm gội: 600.000 chai/năm; sữa rửa mặt: 600.000 chai/năm; gel rửa mặt: 300.000 chai/năm; nước rửa tay: 300.000 chai/năm; bọt rửa tay: 300.000 chai/năm; dung dịch vệ sinh phụ nữ: 300.000 chai/năm).

++ Mỹ phẩm dưỡng da: Kem dưỡng da mặt: 3.000.000 chai/năm; kem dưỡng thể: 3.000.000 chai/năm.

++ Mỹ phẩm dạng mặt nạ: Mặt nạ dưỡng da: 11.340.000 chiếc/năm.

+ Sản xuất chế phẩm vệ sinh dạng lỏng và gel: Nước rửa bình sữa và rau quả: 1.210.000 chai/năm; nước giặt xả: 600.000 chai/năm; nước rửa bát: 300.000 chai/năm; nước lau sàn: 300.000 chai/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Bình Giang;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 339/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng, không thải ra môi trường).

- Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp có trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng theo quy định của Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nhà vệ sinh và nước thải nhà bếp sau khi xử lý sơ bộ được thu gom bằng đường ống HDPE DN110, DN160, DN200, dài 318 m, độ dốc 0,5 - 1% tự chảy về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải chung của Nhà máy.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh trang thiết bị sản xuất theo đường ống HDPE DN160, DN200, dài 135 m, độ dốc 0,5 - 1% tự chảy về bể gom, tách dầu, lắng cặn của hệ thống xử lý nước thải chung của Nhà máy.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải chung theo đường ống HDPE DN200, dài 10 m, độ dốc 0,5% tự chảy ra hố ga đầu nối của KCN Phúc Điền mở rộng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ quá trình vệ sinh trang thiết bị sản xuất → Bể gom, tách dầu, lắng cặn → Bể phản ứng → Bể lắng hóa lý → Bể điều hòa của HTXL nước thải chung (cùng với nước thải nhà bếp, nước thải nhà vệ sinh đã qua xử lý sơ bộ).

+ Nước thải nhà bếp qua bể tách mỡ (01 bể, thể tích 2 m³) cùng nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại (04 bể, tổng thể tích 47 m³) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ

thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 20 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: Bể gom, tách dầu, lắng cặn 8,4 m³ (gồm 03 ngăn: ngăn 1: 1m × 1m × 3m; ngăn 2: 1m × 0,8m × 3m; ngăn 3: 1m × 1m × 3m); bể phản ứng 1,8 m³ (1,2m × 0,6m × 2,5m); bể lắng hóa lý 3,6 m³ (1,2m × 1,2m × 2,5m); bể điều hòa 8,16 m³ (1,7m × 1,6m × 3m); bể thiếu khí 9,6 m³ (3,2m × 1m × 3m); bể hiếu khí 11,52 m³ (3,2m × 1,2m × 3m); bể lắng sinh học 4,32 m³ (1,2m × 1,2m × 3m); bể khử trùng 6,48 m³ (1,8m × 1,2m × 3m); bể chứa bùn 7,17 m³ (1,7m × 1,4m × 3m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 0,02 kg/m³; H₂O₂ 0,3 kg/m³; PAC 0,03 kg/m³; Polimer 0,005 kg/m³; chất dinh dưỡng 0,05 kg/m³; NaOCl 10% 0,05 kg/m³ (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu chất lượng đầu vào của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất; tần suất bảo dưỡng 6 tháng/lần.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng (máy bơm, máy thổi khí,...) để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng thiết bị.

+ Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn phải ngưng hoạt động hệ thống để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu vào của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng phải đóng van xả nước thải ra điểm đầu nối; báo cáo cơ quan chức năng trong

trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản của Công ty và các doanh nghiệp lân cận...; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mới tiếp tục xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

+ Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể trong hệ thống thì Công ty liên hệ với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải chung công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: 02 điểm (01 điểm lấy tại bể gom và 01 điểm lấy tại vị trí đầu nối với khu công nghiệp).

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.5. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng để có biện pháp xử lý.

3.6. Công ty cổ phần sản xuất & thương mại Đông Hiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư Trung Quý - Bắc Ninh.

Phụ lục II

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 339/GPMT-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2314019; Y(m) = 571518.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2314014; Y(m) = 571475.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các

chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 339/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	100	17 02 03	NH
2	Giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	80	18 02 01	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06	NH
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	100	18 01 01	KS
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	100	18 01 02	KS
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	100	18 01 03	KS
7	Chất thải y tế có chứa các tác nhân gây lây nhiễm	Rắn	5	13 01 01	NH
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	15	16 01 12 19 06 05	NH
9	Mực in, hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Lỏng/Rắn	60	08 02 01 08 02 04	KS
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng nguy hại)	Rắn	20	16 01 13	NH
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải chung	Bùn	300	12 06 05	KS

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
12	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải mực in, nước thải từ phòng thí nghiệm)	Lỏng	7.500	19 10 01	KS
13	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	10	19 05 02	KS
	Tổng		8.405		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy thải, bì các tông rách hỏng	Rắn	1.000	18 01 05
2	Nilon rách hỏng	Rắn	500	11 02 04
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	200	18 01 06
4	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	Rắn	500	18 01 08
5	Sản phẩm lỗi, hỏng	Rắn	500	-
6	Hộp chứa mực in và mực in thải từ khu vực văn phòng	Rắn	10	08 02 04 08 02 06
7	Pallet hỏng	Rắn	100	11 02 02
8	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	300	18 02 02
9	Bùn thải từ hệ thống bể phốt, bùn thải nạo vét cống rãnh (hệ thống thoát nước mưa)	Bùn	10.000	12 06 13
	Tổng		13.110	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 6,38 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE dung tích 100 lít và phuy chứa bằng nhựa dung tích 220 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: Diện tích 20 m² trong nhà chứa rác chung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch trên thung tôn, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông, có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích từ 60 - 120 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: Diện tích 16,6 m² trong nhà chứa rác chung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch trên thung tôn, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 10-120 lít/thùng.

2.3.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: Diện tích 8 m² trong nhà chứa rác chung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch trên thung tôn, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 339/GPMT-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đưa dự án đi vào hoạt động khi đã có đủ các thủ tục cần thiết theo quy định và sau khi chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Điền mở rộng hoàn thiện toàn bộ hạ tầng bảo vệ môi trường của khu công nghiệp và đủ điều kiện đưa khu công nghiệp đi vào hoạt động.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.